CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP *UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM* *Independence – Freedom - Happiness*
Số/*No*: 10/2026/NQ-HĐQT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026* *Hanoi, March 6th, 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS OF
UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
Digitally signed by Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hai Bà Trưng, CN=Công ty Cổ phần Chứng khoán UP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102311942
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-03-06 15:03:05
Foxit Reader Version: 9.6.0

V/v: Ban hành "Quy chế Công bố thông tin"

V/v: Promulgate the "Regulation on Information Disclosure"

Căn cứ/ Pursuant to:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
  The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán UP;*
  The Charter on the Organization and Operation of UP Securities Joint Stock Company;
- *Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 06/03/2026.*
  The Minutes of the Board of Directors' Meeting of the Company dated 06/03/2026.

QUYẾT NGHỊ/ *RESOLUTION*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này "Quy chế Công bố thông tin" của Công ty Cổ phần Chứng Khoán UP.

Article 1. The "Regulation on Information Disclosure" of UP Securities Joint Stock Company is hereby promulgated together with this Resolution.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị và cá nhân có liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Article 2. Provisions on Implementation

This Resolution shall take effect from the date of signing. Members of the Board of Directors/Executive Management, and relevant Divisions/Departments/Units and individuals of the Company shall be responsible for the implementation of this Resolution.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH
CHAIRMAN

Chu Tuấn An
Chu Tuan An

Nơi nhận/ *Recipients:*
- Như Điều 2/ As stated in Article 2;
- TV HĐQT; BTGĐ/ BOD Members; Executive Board;
- Lưu: VP. HĐQT/ Archived: Board of Directors' Office.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

UP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

INFORMATION DISCLOSURE REGULATION

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT ngày 06/03/2026 của Hội đồng quản trị

Issued together with Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT dated 06/03/2026 of the Board of Directors

Hà Nội, 2026

Hanoi, 2026

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

CHAPTER I. GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Mục đích

Article 1. Objectives

Thiết lập cơ chế công bố thông tin (CBTT) nhằm bảo đảm minh bạch, kịp thời, đầy đủ và chính xác theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

To establish an information disclosure (ID) mechanism to ensure transparency, timeliness, completeness, and accuracy in accordance with the laws on securities and the securities market.

Quy định thống nhất trách nhiệm, thẩm quyền và quy trình phối hợp nội bộ trong việc tiếp nhận, thu thập, thẩm định, phê duyệt, công bố và lưu trữ thông tin của Công ty.

To provide unified regulations on responsibilities, authorities, and internal coordination processes regarding the receipt, collection, appraisal, approval, disclosure, and archiving of the Company's information

Điều 2. Cơ sở pháp lý

Article 2. Legal Basis

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

These Regulations are formulated based on and in compliance with prevailing laws, including but not limited to:

- *Luật Doanh nghiệp số 29/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế hướng dẫn thi hành từng thời kỳ/ Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and documents amending, supplementing, or replacing the guiding implementation from time to time;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán/ Law on Securities No. 54/2019/QH14 and Law No. 56/2024/QH15 amending and supplementing several articles of the Law on Securities;*

- *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số: 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Law on Personal Data Protection No. 91/2025/QH15 dated June 26, 2025, and guiding documents;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán/ Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of several articles of the Law on Securities;*
- *Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)/ Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market (and amending/supplementing documents);*
- *Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các thông tư liên quan/ Circular No. 08/2026/TT-BTC dated February 3, 2026, amending and supplementing Circular No. 96/2020/TT-BTC and related circulars*
- *Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các loại chứng khoán liên quan (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)/ Circular No. 120/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, on trading of listed stocks, registration for trading, and related securities (and amending/supplementing documents);*
- *Quy định, quy chế, hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội áp dụng đối với hệ thống UPCoM (nếu có)/ Regulations, rules, and guidelines of the Hanoi Stock Exchange applicable to the UPCoM system (if any);*
- *Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán UP/ Charter of UP Securities Joint Stock Company*
- *Các quy định pháp luật và văn bản nội bộ có liên quan/ Other internal documents and relevant legal provisions*

Trường hợp các văn bản viện dẫn được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới nhất.

In case the cited documents are amended, supplemented, or replaced, the latest versions shall apply

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Article 3. Scope and Applicable Entities

Quy chế này quy định: (i) loại thông tin phải CBTT; (ii) nguyên tắc CBTT; (iii) thẩm quyền, trách nhiệm; (iv) nội dung CBTT; (v) kênh/phương tiện CBTT; (vi) lưu trữ hồ sơ; (vii) kiểm soát, bảo mật và xử lý sai sót/vi phạm.

Scope: *These Regulations govern: (i) types of information subject to ID; (ii) ID principles; (iii) authority and responsibility; (iv) ID content; (v) ID channels/media; (vi) record archiving; (vii) control, confidentiality, and handling of errors/violations*

Đối tượng áp dụng: Công ty và các đơn vị phụ thuộc (nếu có); Người đại diện theo pháp luật; Người được ủy quyền CBTT; người nội bộ và người có liên quan; Bộ phận Quan hệ cổ đông/Thư ký Công ty; Phòng Pháp chế & Kiểm soát nội bộ; Phòng Tài chính – Kế toán; và các bộ phận/cá nhân có liên quan.

Applicable Entities: *The Company and its dependent units (if any); Legal Representative; Authorized Person for Information Disclosure; internal persons and related persons; Shareholder Relations Department/Company Secretary; Legal & Internal Control Department; Finance - Accounting Department; and other relevant departments/individuals*

Điều 4. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

Article 4. Definitions and Abbreviations

Các thuật ngữ "công ty đại chúng", "người nội bộ", "người có liên quan", "CBTT định kỳ/bất thường/theo yêu cầu", "UBCKNN", "Sở giao dịch chứng khoán", "UPCoM", "VSDC"... được hiểu theo pháp luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Terms such as "public company," "internal person," "related person," "periodic/extraordinary/requested ID," "SSC," "Stock Exchange," "UPCoM," "VSDC," etc., shall be construed in accordance with securities laws and guiding documents.

1. Từ viết tắt/ ***Abbreviations:***

- **"Công ty/UP/UPSC":** Công ty cổ phần chứng khoán UP
  "Company/UP/UPSC": *UP Securities Joint Stock Company*
- **"CBTT":** Công bố thông tin;
- "**HĐQT":** Hội đồng quản trị;
  "BOD": *Board of Directors;*
- **"TGĐ":** Tổng Giám đốc;
  "CEO": *General Director;*
- **"SGDCK"**: Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK Việt Nam và các công ty con);
  "SE": *Stock Exchange (Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries);*
- **"UBCKNN"**: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  "SSC": *State Securities Commission;*
- **"VSDC":** Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
  "VSDC": Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin

Article 5. Language of Information Disclosure

Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu CBTT bằng ngôn ngữ khác.

The language used for information disclosure on the securities market shall be Vietnamese, except where the law requires disclosure in another language

Trường hợp Công ty thực hiện CBTT bằng tiếng Anh, nội dung tiếng Anh phải thống nhất với nội dung tiếng Việt; nếu có khác biệt/cách hiểu khác nhau thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Where the Company provides information disclosure in English, the English version must be consistent with the Vietnamese version. In case of discrepancy or different interpretations, the Vietnamese version shall prevail

CHƯƠNG II. NGUYÊN TẮC CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER II. PRINCIPLES OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 6. Nguyên tắc chung

Article 6. General Principles

Thông tin CBTT phải trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời; không gây hiểu nhầm; bảo đảm thống nhất giữa các kênh công bố.

Information disclosed must be truthful, accurate, complete, and timely; must not be misleading; and must ensure consistency across disclosure channels.

Việc CBTT được thực hiện thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Information disclosure shall be conducted by the Legal Representative or the Authorized Person for Information Disclosure in accordance with the law and this Regulation

Đối tượng thực hiện CBTT chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Công ty về nội dung thông tin công bố; trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công bố, phải công bố kịp thời nội dung thay đổi và lý do thay đổi (nếu pháp luật yêu cầu).

The person responsible for disclosure shall be liable before the law and the Company for the content of the disclosed information. Where previously disclosed information is changed, the Company must promptly disclose the revised information and the reasons for such change (if required by law)

Điều 7. Bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Article 7. Information Confidentiality and Personal Data Protection

Thông tin chưa công bố phải được kiểm soát theo nguyên tắc "cần biết"; nghiêm cấm cung cấp/tiết lộ thông tin chưa công bố cho bên thứ ba, trừ trường hợp phục vụ công việc và đã áp dụng cơ chế bảo mật phù hợp.

*Undisclosed information must be controlled on a **"need-to-know" basis**. The provision or disclosure of undisclosed information to any third party is strictly prohibited, except where required for work purposes and appropriate confidentiality mechanisms are in place.*

Khi CBTT có chứa dữ liệu cá nhân, Công ty thực hiện việc xử lý/công khai dữ liệu cá nhân theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; trong trường hợp pháp luật yêu cầu nộp/cung cấp bản tài liệu đầy đủ nhưng không bắt buộc công khai toàn bộ dữ liệu cá nhân, Công ty thực hiện đồng thời (i) bản đầy đủ gửi cơ quan có thẩm quyền và (ii) bản lược bỏ/ẩn dữ liệu cá nhân để công khai theo hướng dẫn của cơ quan quản lý/SGDCK (nếu áp dụng).

Where disclosed information contains personal data, the Company shall process and disclose such data in accordance with applicable laws on personal data protection.

Where the law requires submission of complete documents but does not require public disclosure of all personal data, the Company shall simultaneously:

(i) submit the full version to the competent authority; and

(ii) *disclose a redacted/anonymized version to the public in accordance with guidance from the regulatory authority/Stock Exchange (if applicable).*

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin do bất khả kháng

Article 8. Temporary Suspension of Information Disclosure Due to Force Majeure

Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp bất khả kháng (ví dụ: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh hoặc sự kiện bất khả kháng khác) làm cho Công ty không thể thực hiện CBTT đúng thời hạn theo quy định.

The Company may temporarily suspend information disclosure in cases of force majeure (e.g., natural disasters, fire, war, epidemics, or other force majeure events) that prevent the Company from fulfilling disclosure obligations within the prescribed time limit

Ngay khi phát sinh sự kiện bất khả kháng, Công ty phải báo cáo/công bố về việc tạm hoãn (nêu rõ lý do) theo kênh/phương tiện do pháp luật quy định; và thực hiện CBTT đầy đủ ngay khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng.

Upon the occurrence of such force majeure event, the Company must report/disclose the suspension (clearly stating the reasons) through the channels prescribed by law and complete the required disclosure immediately after the force majeure situation has been remedied

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

CHAPTER III. IMPLEMENTATION ORGANIZATION AND RESPONSIBILITY ALLOCATION

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật

Article 9. Legal Representative

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm chung về việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định pháp luật.

The Legal Representative shall bear overall responsibility for organizing the implementation of the Company's information disclosure obligations in accordance with the law

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố trong phạm vi ủy quyền.

The Legal Representative shall be responsible for the completeness, accuracy, and timeliness of the information disclosed by the Authorized Person for Information Disclosure within the scope of authorization

Điều 10. Người được ủy quyền công bố thông tin

Article 10. Authorized Person for Information Disclosure

Công ty bổ nhiệm tối thiểu 01 (một) Người được ủy quyền CBTT (sau đây gọi là "Người CBTT"). Thông tin về Người CBTT (họ tên, chức danh, điện thoại, email) được công bố và cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

The Company shall appoint at least one (01) Authorized Person for Information Disclosure (hereinafter referred to as the "Disclosure Officer"). Information about the Disclosure Officer

(full name, title, telephone number, and email) must be disclosed and updated upon any changes in accordance with regulations.

Người CBTT là đầu mối: (i) tiếp nhận thông tin/sự kiện; (ii) phối hợp đánh giá nghĩa vụ CBTT; (iii) tổ chức soạn thảo; (iv) trình thẩm định, phê duyệt; (v) thực hiện CBTT; và (vi) lưu trữ hồ sơ CBTT.

The Disclosure Officer shall act as the focal point for: Receiving information/events; Coordinating the assessment of disclosure obligations; Organizing drafting; Submitting for review and approval; Conducting disclosure; Archiving disclosure records.

Khi việc chỉ định/ủy quyền hoặc thay đổi Người CBTT có hiệu lực, Công ty thực hiện báo cáo/thông báo với UBCKNN/SGDCK theo thời hạn pháp luật quy định (bao gồm trường hợp phải báo cáo trong vòng 24 giờ).

When the designation, authorization, or replacement of the Disclosure Officer becomes effective, the Company must report/notify the SSC/Stock Exchange within the statutory time limit (including cases requiring reporting within 24 hours).

Điều 11. Cơ chế thay thế khi người thực hiện CBTT vắng mặt

Article 11. Replacement Mechanism When Disclosure Personnel Are Absent

Trường hợp phát sinh nghĩa vụ CBTT mà Người đại diện theo pháp luật và Người CBTT đồng thời vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thực hiện CBTT để bảo đảm tuân thủ thời hạn.

Where an information disclosure obligation arises while both the Legal Representative and the Disclosure Officer are absent or unable to perform their duties, the highest-ranking member of the Executive Management shall be responsible for making the disclosure to ensure compliance with statutory deadlines

Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên giữ chức vụ cao nhất, các thành viên Ban điều hành thống nhất/bầu hoặc chỉ định 01 (một) người chịu trách nhiệm thực hiện CBTT; việc chỉ định phải được lưu vết và hoàn thiện hồ sơ nội bộ sau đó.

Where there are two (02) or more persons holding the highest executive positions, the Executive Management shall agree, elect, or designate one (01) person responsible for performing the disclosure. Such designation must be recorded and the internal documentation completed thereafter.

Điều 12. Bộ phận Quan hệ cổ đông/Thư ký Công ty

Article 12. Investor Relations Department / Company Secretary

Bộ phận Quan hệ cổ đông/Thư ký Công ty phối hợp nội dung CBTT, quan hệ cổ đông/nhà đầu tư và làm việc với UBCKNN/SGDCK trong phạm vi được phân công.

The Investor Relations Department/Company Secretary shall coordinate information disclosure content, manage shareholder and investor relations, and work with the SSC/Stock Exchange within the assigned scope

Nhiệm vụ tối thiểu: (i) thu thập thông tin, tài liệu từ các bộ phận; (ii) soạn thảo dự thảo CBTT, thông cáo/giải trình; (iii) quản trị chuyên mục CBTT/Quan hệ nhà đầu tư trên website; (iv) phối hợp tổ chức CBTT phục vụ ĐHĐCĐ, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và các tài liệu liên quan.

Minimum responsibilities include: (i) Collecting information and documents from relevant departments; (ii) Drafting disclosure materials, announcements, and explanations; (iii) Managing the Information Disclosure/Investor Relations section on the Company's website; (iv) Coordinating disclosures related to the General Meeting of Shareholders, corporate governance reports, annual reports, and related documents

Điều 13. Phòng Pháp chế & Kiểm soát nội bộ

Article 13. Legal & Internal Control Department

Thẩm định pháp lý, đánh giá nghĩa vụ CBTT, rà soát rủi ro tuân thủ; kiểm soát việc đáp ứng thời hạn và kênh công bố; tham mưu cơ chế xử lý trường hợp khẩn cấp hoặc phát sinh vướng mắc.

Responsible for legal appraisal, assessing disclosure obligations, reviewing compliance risks, and ensuring compliance with deadlines and disclosure channels

Phối hợp hướng dẫn việc bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và lưu trữ hồ sơ CBTT.

Also responsible for advising on mechanisms for handling urgent situations or arising issues and guiding confidentiality, personal data protection, and record retention.

Điều 14. Phòng Tài chính – Kế toán và các bộ phận liên quan

Article 14. Finance – Accounting Department and Other Relevant Departments

Phòng Tài chính – Kế toán cung cấp số liệu; xác nhận tính đúng/đủ của số liệu tài chính; phối hợp giải trình biến động (nếu có).

The Finance – Accounting Department shall provide financial data, confirm the accuracy and completeness of financial figures, and coordinate explanations for fluctuations (if any).

Các bộ phận nghiệp vụ khác: kịp thời báo cáo sự kiện phát sinh có khả năng thuộc diện CBTT; cung cấp tài liệu nguồn; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin chuyên môn thuộc phạm vi quản lý; Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm phân công nhân sự theo dõi sự kiện phải CBTT và phối hợp theo yêu cầu.

Other professional departments shall: (i) Promptly report events that may require disclosure; (ii) Provide source documents; (iii) Be responsible for the accuracy of professional information within their management scope; (iv) The head of each unit shall assign personnel to monitor disclosure-related events and coordinate as required

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT/Tổng Giám đốc

Article 15. Responsibilities of the Board of Directors / Chief Executive Officer

HĐQT và Ban điều hành thiết lập cơ chế quản trị và kiểm soát tuân thủ CBTT; chỉ đạo triển khai Quy chế này.

The Board of Directors and Executive Management shall establish governance and compliance control mechanisms for information disclosure and direct the implementation of this Regulation

Cho ý kiến/phê duyệt đối với các nội dung CBTT quan trọng thuộc thẩm quyền theo Điều lệ và quy chế nội bộ và/hoặc theo yêu cầu pháp luật.

They shall provide opinions/approval for important disclosure contents within their authority as prescribed in the Company Charter, internal regulations, and/or applicable laws.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER IV. CONTENTS OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 16. Công bố thông tin định kỳ

Article 16. Periodic Information Disclosure

Công ty thực hiện CBTT định kỳ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn: báo cáo tài chính; báo cáo thường niên; báo cáo quản trị công ty; và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý/SGDCK.

The Company shall conduct periodic information disclosure in accordance with applicable laws, including but not limited to: Financial statements; Annual reports; Corporate governance reports; Other reports required by regulatory authorities/Stock Exchanges.

Đối với nghĩa vụ CBTT riêng của công ty chứng khoán, Công ty thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành hiện hành.

For disclosure obligations specific to securities companies, the Company shall comply with the applicable specialized legal regulations.

Điều 17. Công bố thông tin bất thường

Article 17. Extraordinary Information Disclosure

Công ty thực hiện CBTT bất thường khi xảy ra các sự kiện thuộc diện phải công bố theo quy định pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của UBCKNN/SGDCK/VSDC.

The Company shall disclose extraordinary information when events occur that are subject to disclosure under applicable laws and/or upon request of the SSC/Stock Exchange/VSDC

Bộ phận phát sinh sự kiện có trách nhiệm báo cáo ngay cho Người CBTT và Bộ phận Quan hệ cổ đông/Thư ký Công ty theo Điều 22 Quy chế này.

The department where the event arises must immediately report it to the Disclosure Officer and the Investor Relations/Company Secretary Department in accordance with Article 22 of this Regulation

Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu

Article 18. Information Disclosure Upon Request

Công ty CBTT theo yêu cầu của UBCKNN/SGDCK/VSDC (nếu có) trong phạm vi và thời hạn được yêu cầu; Người CBTT là đầu mối phối hợp thực hiện và báo cáo lãnh đạo.

The Company shall disclose information upon request from the SSC/Stock Exchange/VSDC (if any) within the required scope and timeframe. The Disclosure Officer shall act as the coordinating focal point and report to the Company's management.

Điều 19. Công bố thông tin liên quan giao dịch chứng khoán và UPCoM

Article 19. Disclosure Related to Securities Transactions and UPCoM

Trường hợp Công ty là công ty đại chúng và/hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống UPCoM, Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT, giải trình và cung cấp thông tin theo quy định về giao dịch chứng khoán và quy chế/hướng dẫn của SGDCK có liên quan.

Where the Company is a public company and/or registers its shares for trading on the UPCoM system, the Company shall fully comply with information disclosure obligations, explanations, and information provision in accordance with securities trading regulations and the relevant rules/guidelines of the Stock Exchange

CHƯƠNG V. KÊNH/PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER V. CHANNELS AND MEANS OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 20. Kênh, phương tiện công bố thông tin

Article 20. Disclosure Channels and Means

Kênh/phương tiện CBTT tối thiểu bao gồm: (i) hệ thống CBTT theo quy định của UBCKNN và/hoặc SGDCK nơi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch; (ii) website Công ty (chuyên mục CBTT/Quan hệ nhà đầu tư); và (iii) các kênh/phương tiện khác theo quy định pháp luật (báo chí, phương tiện thông tin đại chúng…) hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Minimum disclosure channels include: (i) The information disclosure system as prescribed by the SSC and/or the Stock Exchange where the Company's securities are listed or registered for trading; (ii) The Company's website (Information Disclosure / Investor Relations section); (iii) Other channels and means prescribed by law (press, mass media, etc.) or required by regulatory authorities.

Công ty bảo đảm thông tin nhất quán giữa các kênh; trường hợp có khác biệt, nội dung công bố trên hệ thống CBTT của SGDCK/UBCKNN (nếu có) là căn cứ ưu tiên.

The Company shall ensure consistency of information across channels. In case of discrepancies, the information disclosed through the official disclosure system of the Stock Exchange/SSC (if any) shall prevail.

Điều 21. Yêu cầu đối với trang thông tin điện tử (website) của Công ty

Article 21. Requirements for the Company's Website

Website của Công ty phải có chuyên mục riêng về quan hệ nhà đầu tư/cổ đông, trong đó đăng tải tối thiểu các thông tin/tài liệu phải công khai theo quy định pháp luật, bao gồm: Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, các báo cáo định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các tài liệu khác (nếu có).

*The Company's website must have a dedicated **Investor Relations / Shareholder Relations section**, which shall publish at least the information and documents required to be publicly disclosed under applicable laws, including: Company Charter; Information Disclosure Regulation; Periodic reports; Extraordinary disclosures; On-demand disclosures; Other relevant documents (if any)*

Website phải hiển thị thời điểm đăng tải, cho phép nhà đầu tư tìm kiếm và tiếp cận dữ liệu; bảo đảm khả năng truy cập trong suốt thời hạn lưu trữ tối thiểu theo Điều 25 Quy chế này.

The website must display the posting date/time, allow investors to search and access data, and ensure accessibility throughout the minimum retention period prescribed in Article 25 of this Regulation.

Điều 22. Ngày nghỉ, ngày lễ

Article 22. Holidays and Non-working Days

Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT theo kênh/phương tiện điện tử được pháp luật cho phép ngay trong ngày phát sinh (nếu bắt buộc) và hoàn tất các nghĩa vụ báo cáo/CBTT còn lại vào ngày làm việc liền kề tiếp theo theo quy định.

Where a disclosure obligation arises on a public holiday or non-working day as prescribed by law, the Company shall disclose information through electronic channels permitted by law on the same day (if required) and complete the remaining reporting/disclosure obligations on the next working day in accordance with regulations

CHƯƠNG VI. PHÊ DUYỆT CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER VI. APPROVAL OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 23. Thẩm quyền và cơ chế phê duyệt

Article 23. Authority and Approval Mechanism

Thông tin thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT/TGĐ theo Điều lệ và quy chế nội bộ phải được thông qua/cho ý kiến trước khi CBTT.

*Information falling under the authority of the **General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or the Chief Executive Officer** under the Company Charter and internal regulations must be approved or commented on before disclosure.*

Trường hợp khẩn cấp để bảo đảm tuân thủ thời hạn, Người CBTT có thể đề xuất cơ chế phê duyệt nhanh (email/ý kiến điện tử) theo quy định nội bộ; sau đó hoàn thiện hồ sơ và lưu vết phê duyệt.

In urgent cases to ensure compliance with deadlines, the Disclosure Officer may propose a fast-track approval mechanism (email/electronic approval) in accordance with internal regulations, after which the documentation and approval records must be completed

CHƯƠNG VII. LƯU TRỮ HỒ SƠ VÀ QUẢN LÝ DỮ LIỆU CBTT

CHAPTER VII. RECORD RETENTION AND DATA MANAGEMENT

Điều 24. Thành phần hồ sơ lưu trữ

Article 24. Components of Archived Records

Hồ sơ CBTT bao gồm: Phiếu báo cáo sự kiện; tài liệu nguồn; dự thảo; ý kiến thẩm định; phê duyệt; chứng từ đã công bố (biên nhận hệ thống/screenshot); bản đăng tải trên website; và các trao đổi liên quan.

Information disclosure records include: Event reporting form; Source documents; Draft disclosures; Review opinions; Approval records; Evidence of disclosure (system receipts/screenshots); Website posting copies; Related correspondence.

Hồ sơ được lưu dưới dạng bản giấy và/hoặc dữ liệu điện tử theo quy định nội bộ, bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và bảo mật.

*Records shall be stored in **hard copy and/or electronic format** in accordance with internal regulations, ensuring integrity, traceability, and confidentiality*

Điều 25. Thời hạn lưu trữ

Article 25. Retention Period

Thời hạn lưu trữ tối thiểu đối với hồ sơ CBTT: 10 (mười) năm hoặc theo quy định pháp luật/Quy chế lưu trữ nội bộ (mức nào dài hơn thì áp dụng).

*The minimum retention period for information disclosure records shall be **ten (10) years** or in accordance with applicable laws/internal archiving regulations (whichever is longer).*

Các thông tin đã công bố phải được lưu và truy cập được trên website Công ty tối thiểu 05 (năm) năm hoặc theo thời hạn khác dài hơn theo quy định pháp luật.

*Disclosed information must remain accessible on the Company's website for at least **five (05) years** or for a longer period if required by law.*

CHƯƠNG VIII. ĐÍNH CHÍNH, GIẢI TRÌNH VÀ XỬ LÝ SAI SÓT

CHAPTER VIII. CORRECTION, EXPLANATION, AND ERROR HANDLING

Điều 26. Đính chính, giải trình

Article 26. Correction and Explanation

Khi phát hiện thông tin đã công bố có sai sót hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý/SGDCK, Công ty thực hiện đính chính/giải trình theo đúng trình tự, thời hạn và kênh/phương tiện do pháp luật quy định.

Where disclosed information is found to contain errors, or upon request from regulatory authorities/Stock Exchanges, the Company shall make corrections or explanations in accordance with the procedures, time limits, and channels prescribed by law.

Người CBTT chủ trì lập báo cáo sự cố, xác định nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục và phòng ngừa tái diễn; các bộ phận liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin và tài liệu.

The Disclosure Officer shall prepare an incident report, determine the cause, and propose corrective and preventive measures. Relevant departments must cooperate in providing information and documents.

CHƯƠNG IX. XỬ LÝ VI PHẠM

CHAPTER IX. HANDLING OF VIOLATIONS

Điều 27. Xử lý vi phạm

Article 27. Handling of Violations

Cá nhân/bộ phận vi phạm nghĩa vụ báo cáo sự kiện, cung cấp thông tin sai, chậm trễ gây hậu quả hoặc vi phạm quy định về bảo mật dữ liệu sẽ bị xử lý theo nội quy lao động/quy chế kỷ luật của Công ty và phải bồi thường thiệt hại (nếu có).

Individuals or departments that violate event reporting obligations, provide inaccurate information, cause delays resulting in consequences, or violate data confidentiality regulations shall be subject to disciplinary measures in accordance with the Company's labor regulations and disciplinary rules and must compensate for damages (if any).

Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Công ty xem xét chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền và/hoặc phối hợp với cơ quan quản lý theo quy định.

Where there are indications of legal violations, the Company may refer the matter to competent authorities and/or cooperate with regulatory authorities in accordance with regulations

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

CHAPTER X. IMPLEMENTATION PROVISIONS

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Article 28. Effectiveness

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 06/03/2026 và thay thế toàn bộ các quy định trước đây của Công ty trái với Quy chế này.

This Regulation shall take effect from 06/03/2026 and replaces all previous regulations of the Company that are inconsistent with this Regulation.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan; trường hợp Quy chế này có nội dung trái với pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.

Matters not provided for herein shall be implemented in accordance with applicable laws and relevant internal regulations. In case any provision of this Regulation conflicts with the law, such provision shall automatically cease to be effective.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện

Article 29. Amendments, Supplements, and Implementation

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo Điều lệ và quy chế nội bộ.

Any amendment, supplementation, replacement, or repeal of this Regulation shall fall under the authority of the Board of Directors in accordance with the Company Charter and internal regulations.

Người CBTT, Bộ phận Quan hệ cổ đông/Thư ký Công ty và các bộ phận liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và giám sát thực hiện; định kỳ rà soát, cập nhật khi có thay đổi pháp luật hoặc yêu cầu quản trị nội bộ.

The Disclosure Officer, the Investor Relations/Company Secretary Department, and relevant departments shall be responsible for disseminating, guiding, and supervising the implementation of this Regulation and periodically reviewing and updating it when there are changes in law or internal governance requirements.